



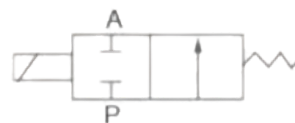
2W160-15NO



2W200-20NO

Graphic Symbol

Ký hiệu đồ họa

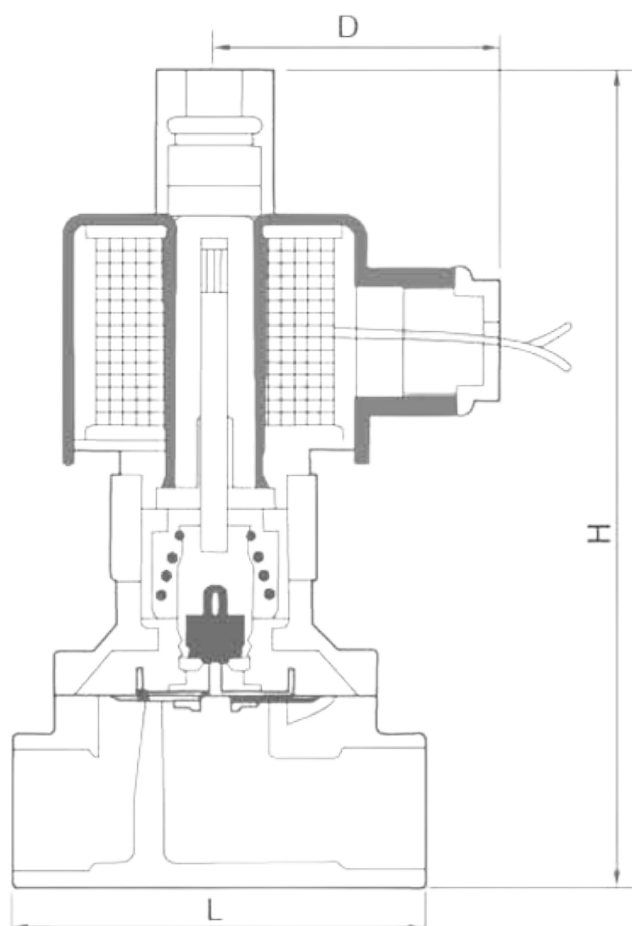


Ordering Code | Mã đặt hàng

2W	160	15	NO	AC220V	□
Specification code (Mã thông số kỹ thuật) 2W: Two-position, two-way solenoid valve (Direct drive type) 2S: Van điện từ 2 ngã, 2 vị trí (dạng truyền động trực tiếp)	Aperture of flow rate (Đường kính lưu lượng) 160: 16mm 200: 20mm	Port size (Cổng kết nối) 15: G1/2" 20: G3/4"	Initial estate (Trạng thái ban đầu) NO: Normal Open (Thường mở)	Standrad voltage (Điện áp tiêu chuẩn) DC24V AC220V	Wiring form (Kiểu đấu dây) Blank: Lead wire type (Loại chuẩn, có dây điện ra sẵn)

Specification | Thông số kỹ thuật

Model (Mã hàng)	2W160-15NO	2W200-20NO
Working medium (Môi chất làm việc)	Air, water, oil, gas (Không khí, nước, dầu, khí gas)	
Motion patten (Kiểu chuyển động)	Direct drive type (Kiểu dẫn động trực tiếp)	
Type (Loại)	Normal Open type (Loại thường mở)	
Aperture of flow rate (mm) (Đường kính lưu lượng)	16	20
CV value (Hệ số lưu lượng)	4.8	7.6
Port size (Cổng kết nối)	G1/2"	G3/4"
Operation fluid viscosity (Độ nhớt chất lỏng làm việc)	20 CST (Below) < 20 CST	
Working pressure (Áp suất làm việc)	Air (Không khí): 0~0.7MPa, Water (Nước): 0~0.5MPa Oil (Dầu): 0~0.5MPa, Gas (Khí gas): 0~0.7MPa	
Max. Pressure resistance (Chịu áp tối đa)	1.05MPa	
Operating temperature range (Dải nhiệt độ làm việc)	-5°C ~ 80°C	
Voltage range (Dải điện áp)	± 10%	
Material of body (Vật liệu thân van)	Brass (Đồng thau)	
Material of oil seal (Vật liệu gioăng làm kín)	NBR EPDM or VITON (Cao su NBR, EPDM hoặc Viton)	

Overall Dimensions | Kích thước tổng thể

Dimension Sheet | Bảng kích thước

Model (Mã hàng)	L	H	D
2W160-15NO	69	116	62
2W200-20NO	73	127	62